TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (DỰ PHÒNG)
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán đầu tư và huy động vốn		
Mã học phần:	71ACCT30112	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30112_01		
Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp Tự luận**		Thời gian làm bài: **75**	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu Giấy:	☒ Có	☐ Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**
CLO1	**Vận dụng** các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.	Trắc nghiệm	50%	10 câu trắc nghiệm	5	**ELO 1.1**
	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên	Tự luận	10%	Tự luận - Yêu	1	**ELO 1.1**

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
	Bảng cân đối kế toán liên quan đến kế toán kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.			cầu số 2		
	Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu một cách chính xác.	Tự luận	40%	Tự luận – Yêu cầu 1	4	**ELO 8.1**

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM): (10 câu x 0,5 điểm/câu)

Câu 01: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 01-C1-a: Ngày 1/01/N, công ty ký hợp đồng cho công ty J thuê hoạt động tòa nhà B làm văn phòng công ty. Thời hạn cho thuê 03 năm, giá cho thuê chưa thuế GTGT 20.000.000 đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%. Cùng ngày công ty J đã trả trước tiền thuê nhà 1 năm bằng tiền gửi ngân hàng. Kỳ kế toán là tháng, kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 264.000.000 Có TK 3387 240.000.000 Có TK 33311 24.000.000	**B.** Nợ TK 1121 264.000.000 Có TK 5113 240.000.000 Có TK 33311 24.000.000
C. Nợ TK 1121 264.000.000	**D.** Nợ TK 1121 264.000.000

Có TK 515 240.000.000 Có TK 33311 24.000.000	Có TK 5117 240.000.000 Có TK 33311 24.000.000

ANSWER: A

Câu 01-C1-b: Ngày 01/01/N, công ty K quyết định lấy lại toà nhà A đang cho công ty T thuê hoạt động làm văn phòng đại diện của công ty. Biết rằng tòa nhà này có nguyên giá là 4.500.000.000đ (trong đó quyền sử sụng đất là 2.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 20 năm, đã đưa vào hoạt động được 5 năm. Kế toán công ty K ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/01/N như thế nào:

A. Nợ TK 211 2.500.000.000 Nợ TK 213 2.000.000.000 Có TK 217 4.500.000.000 **Và** Nợ TK 2147 625.000.000 Có TK 2141 625.000.000	**B**. Nợ TK 211 4.500.000.000 Có TK 217 4.500.000.000 **Và** Nợ TK 2147 625.000.000 Có TK 2141 625.000.000
C. Nợ TK 217 4.500.000.000 Có TK 211 2.500.000.000 Có TK 213 2.000.000.000 **Và** Nợ TK 2141 1.210.416.667 Có TK 2147 1.210.416.667	**D**. Nợ TK 217 4.500.000.000 Có TK 211 2.500.000.000 Có TK 213 2.000.000.000 **Và** Nợ TK 2141 1.210.416.667 Có TK 2147 1.210.416.667

ANSWER: A

Câu 02: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 02-C1-a: Ngày 1/4/N, công ty mua trả góp trong vòng 2 năm một tòa nhà B để cho thuê hoạt động. Giá mua trả góp chưa thuế GTGT là 3.500.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, giá mua trả ngay chưa thuế GTGT là 3.000.000.000đ. Kỳ kế toán là tháng, ngày 1/4/N, kế toán ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 217 3.000.000.000 Nợ TK 242 500.000.000 Nợ TK 1332 300.000.000 Có TK 331 3.800.000.000	**B.** Nợ TK 211 3.000.000.000 Nợ TK 242 500.000.000 Nợ TK 1331 300.000.000 Có TK 331 3.800.000.000
C. Nợ TK 217 3.000.000.000 Nợ TK 242 500.000.000 Nợ TK 1332 350.000.000 Có TK 331 3.850.000.000	**D.** Nợ TK 217 3.500.000.000 Nợ TK 242 500.000.000 Nợ TK 1331 300.000.000 Có TK 331 4.300.000.000

ANSWER: A

Câu 02-C1-b: Ngày 1/4/N, công ty mua trả góp trong vòng 2 năm một tòa nhà B để cho thuê hoạt động. Giá mua trả góp chưa thuế GTGT là 4.000.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, giá mua trả ngay chưa thuế GTGT là 3.800.000.000đ. Kỳ kế toán là tháng, ngày 1/4/N, kế toán ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 217 3.800.000.000 Nợ TK 242 200.000.000 Nợ TK 1332 380.000.000 Có TK 331 4.380.000.000	**B.** Nợ TK 211 3.800.000.000 Nợ TK 242 200.000.000 Nợ TK 1331 380.000.000 Có TK 331 4.380.000.000
C. Nợ TK 217 3.800.000.000 Nợ TK 242 200.000.000 Nợ TK 1332 400.000.000 Có TK 331 4.400.000.000	**D.** Nợ TK 217 4.000.000.000 Nợ TK 242 200.000.000 Nợ TK 1331 300.000.000 Có TK 331 4.500.000.000

ANSWER: A

Câu 03: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 03-C2-a: Ngày 1/1/N, công ty K thuê tài chính một tài sản cố định hữu hình, sử dụng tại bộ phận sản xuất. Giá trị hợp lý (GTHL) của tài sản thuê là 270.000.000đ; PV là 262.000.000đ. Công ty đã nhận tài sản và đưa vào sử dụng ngay trong ngày, kế toán công ty RS ghi nhận bút toán ngày 1/1/N như thế nào:

A. Ghi tăng tài sản cố định thuê tài chính, tăng nợ thuê tài chính. Giá trị ghi tăng theo PV.

B. Ghi tăng tài sản cố định thuê tài chính, tăng nợ thuê tài chính. Giá trị ghi theo GTHL.

C. Ghi tăng tài sản cố định thuê tài chính, tăng nợ thuê tài chính. Giá trị ghi tăng theo PV và trích khấu hao cho tài sản này.

D. Ghi tăng tài sản cố định thuê tài chính, tăng nợ thuê tài chính. Giá trị ghi tăng theo GTHL và trích khấu hao cho tài sản này.

ANSWER: A

Câu 03-C2-b: Ngày 1/1/N, công ty K thuê tài chính một tài sản cố định hữu hình, sử dụng tại bộ phận sản xuất. Tài sản cố định đi thuê tài chính được kế toán ghi nhận và theo dõi như thế nào tại Công ty K?

A. Ghi tăng tài sản đi thuê và nợ thuê tài chính; cuối kỳ kế toán phải trích khấu hao.

B. Ghi tăng chi phí kinh doanh, không ghi tăng tài sản thuê và cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

C. Ghi tăng tài sản đi thuê và nợ thuê tài chính; cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

D. Không ghi sổ nhật ký

ANSWER: A

Câu 04: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 04-C2-a: Ngày 01/08/N, xuất kho 10 cái công cụ dụng cụ đem cho thuê hoạt động, giá xuất kho là 2.000.000đ/cái; giá cho thuê chưa thuế GTGT 4.000.000 đ/cái/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%, thời hạn cho thuê là 6 tháng, đã nhận được tiền thuê công cụ dụng 3 tháng bằng tiền gửi ngân hàng. Kỳ kế toán là Quý, ngày 01/08/N kế toán ghi nhận doanh thu như thế nào:

A. Nợ TK 1121 132.000.000	**B.** Nợ TK 1121 132.000.000

Có TK 3387 120.000.000 Có TK 33311 12.000.000	Có TK 5113 120.000.000 Có TK 33311 12.000.000
C. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5113 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000	**D.** Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5117 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000

ANSWER: A

Câu 04-C2-b: Ngày 01/07/N, xuất kho 10 cái công cụ dụng cụ đem cho thuê hoạt động, giá xuất kho là 2.000.000đ/cái; giá cho thuê chưa thuế GTGT 4.000.000 đ/cái/tháng, thuế suất thuế GTGT 10%, thời hạn cho thuê là 6 tháng, đã nhận được tiền thuê công cụ dụng 3 tháng bằng tiền gửi ngân hàng. Kỳ kế toán là Quý, ngày 01/07/N kế toán ghi nhận doanh thu như thế nào:

A. Nợ TK 1121 132.000.000 Có TK 5113 120.000.000 Có TK 33311 12.000.000	**B.** Nợ TK 1121 132.000.000 Có TK 3387 120.000.000 Có TK 33311 12.000.000
C. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5113 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000	**D.** Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5117 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000

ANSWER: A

Câu 05: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 05-C3-a: Ngày 31/10/N, nhận được tiền lãi tháng 10/N của 1.000 tờ trái phiếu kho bạc bằng chuyển khoản, số tiền là 12.000.000đ. Ngày 31/10/N, kế toán ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1121 12.000.000 Có TK 515 12.000.000	**B.** Nợ TK 1121 12.000.000 Có TK 5117 12.000.000
C. Nợ TK 1388 12.000.000 Có TK 515 12.000.000	**D.** Nợ TK 1121 12.000.000 Có TK 5113 12.000.000

ANSWER: A

Câu 05-C3-b: Ngày 31/10/N, nhận được tiền lãi tháng 10/N của 1.000 tờ trái phiếu kho bạc bằng chuyển khoản, số tiền là 15.000.000đ. Ngày 31/10/N, kế toán ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1121 15.000.000 Có TK 515 15.000.000	**B.** Nợ TK 1121 15.000.000 Có TK 5117 15.000.000
C. Nợ TK 1388 15.000.000 Có TK 515 15.000.000	**D.** Nợ TK 1121 15.000.000 Có TK 5113 15.000.000

ANSWER: A

Câu 06: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 06-C3-a: Ngày 1/7/N, công ty RS chuyển khoản mua 1.500 tờ kỳ phiếu của ngân hàng Y phát hành với mục đích giữ đến ngày đáo hạn. Giá mua là 110.000đ/tờ, mệnh giá 100.000đ/tờ, lãi suất 10%/năm, lãi nhận sau. Thời hạn của kỳ phiếu là 12 tháng, ngày phát hành 1/7/N. Kỳ kế toán là quý. Ngày 1/7/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1281 165.000.000 Có TK 1121 165.000.000	**B.** Nợ TK 1211 165.000.000 Có TK 1121 165.000.000
C. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 100.000.000	**D.** Nợ TK 1281 100.000.000 Có TK 1121 100.000.000

ANSWER: A

Câu 06-C3-b: Ngày 1/7/N, công ty RS chuyển khoản mua 1.500 tờ kỳ phiếu của ngân hàng Y phát hành với mục đích thương mại. Giá mua là 110.000đ/tờ, mệnh giá 100.000đ/tờ, lãi suất 10%/năm, lãi nhận sau. Thời hạn của kỳ phiếu là 12 tháng, ngày phát hành 1/7/N. Kỳ kế toán là quý. Ngày 1/7/N, kế toán công ty RS ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào:

A. Nợ TK 1212 165.000.000 Có TK 1121 165.000.000	**B.** Nợ TK 1281 165.000.000 Có TK 1121 165.000.000
C. Nợ TK 1212 100.000.000 Có TK 1121 100.000.000	**D.** Nợ TK 1281 100.000.000 Có TK 1121 100.000.000

ANSWER: A

Câu 07: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 07-C4-a: Ngày 1/1/N, công ty phát hành 1.000 trái phiếu thường có chiết khấu, mệnh giá 1.000.000 đ/trái phiếu, giá phát hành là 1.100.000 đ/trái phiếu. Lãi suất danh nghĩa là 8%/năm, chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa. Chi phí phát hành trái phiếu không phân bổ dần được ghi nhận vào tài khoản nào?

A. TK 635

B. TK 2412

C. TK 627

D. TK 641

ANSWER: A

Câu 07-C4-b: Ngày 1/1/N, công ty phát hành 1.000 trái phiếu thường có chiết khấu, mệnh giá 1.000.000 đ/trái phiếu, giá phát hành là 800.000 đ/trái phiếu. Lãi suất danh nghĩa là 8%/năm, chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa. Cuối kỳ kế toán, chiết khấu trái phiếu được phân bổ vào tài khoản nào?

A. TK 635

B. TK 2412

C. TK 627

D. TK 641

ANSWER: A

Câu 08: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 08-C4-a: Ngày 01/08/N, công ty phát hành 2.000 trái phiếu thu tiền mặt, theo mệnh giá 150.000đ/trái phiếu để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5,5%/năm, trả ngay khi phát hành. Kỳ kế toán là năm, ngày 31/12/N, kế toán công ty ghi nhận bút toán điều chỉnh như thế nào?

A. Nợ TK 635 6.875.000 Có TK 242 6.875.000	**B**. Nợ TK 111 300.000.000 Có TK 34311 300.000.000
C. Nợ TK 635 6.875.000 Có TK 335 6.875.000	**D**. Nợ TK 3387 16.500.000 Có TK 515 16.500.000

ANSWER: A

Câu 08-C4-b: Ngày 01/01/N, công ty B phát hành 2.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.200.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 6,2%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 6.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/01/N, kế toán công ty B ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121 2.400.000.000 Có TK 34311 2.000.000.000 Có TK 34313 400.000.000 **Và:** Nợ TK 635 6.000.000 Có TK 1111 6.000.000	**B**. Nợ TK 1121 2.400.000.000 Có TK 34311 2.000.000.000 Có TK 34312 400.000.000 **Và:** Nợ TK 627 6.000.000 Có TK 1111 6.000.000
C. Nợ TK 1121 2.400.000.000 Có TK 34313 2.400.000.000 **Và:** Nợ TK 635 6.000.000 Có TK 1111 6.000.000	**D**. Nợ TK 1121 2.400.000.000 Có TK 34313 2.400.000.000 **Và:** Nợ TK 2412 6.000.000 Có TK 1111 6.000.000

ANSWER: A

Câu 09: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 09-C5-a: Ngày 01/03/N, công ty phát hành 95.000 cổ phiếu phổ thông để huy động vốn, mệnh giá 100.000đ/cp, giá phát hành 115.000đ/cp, đã thu đủ bằng tiền gửi ngân hàng. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/03/N như thế nào?

A. Nợ TK 112 10.925.000.000 Có TK 4112 1.425.000.000 Có TK 41111 9.500.000.000	**B**. Nợ TK 421 10.925.000.000 Có TK 4112 1.425.000.000 Có TK 41111 9.500.000.000
C. Nợ TK 421 10.925.000.000 Có TK 419 10.925.000.000	**D**. Nợ TK 112 9.500.000.000 Nợ TK 4112 1.425.000.000 Có TK 41111 10.925.000.000

ANSWER: A

Câu 09-C5-b: Ngày 01/03/N, công ty phát hành 95.000 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông, mệnh giá 100.000đ/cp, giá phát hành 102.000đ/cp. Kế toán ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/03/N như thế nào?

A. Nợ TK 421 9.690.000.000 Có TK 4112 190.000.000 Có TK 41111 9.500.000.000	**B**. Nợ TK 112 9.690.000.000 Có TK 4112 190.000.000 Có TK 41111 9.500.000.000
C. Nợ TK 421 9.690.000.000 Có TK 419 9.690.000.000	**D**. Nợ TK 112 9.500.000.000 Nợ TK 4112 190.000.000 Có TK 41111 9.690.000.000

ANSWER: A

Câu 10: ***Random 1 trong 2 câu dưới đây***

Câu 10-C5-a: Ngày 1/4/N, công ty mua lại 2.000 cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ. Giá khớp lệnh là 15.000 đ/cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu lúc phát hành là 10.000 đ/cổ phiếu. Chi phí mua lại là 0,8% trên giá khớp lệnh. Cổ phiếu quỹ tăng lên với trị giá là bao nhiêu?

A. 30.240.000

B. 30.000.000

C. 20.000.000

D. 20.240.000

ANSWER: A

Câu 10-C5-b: Ngày 1/7/N, công ty mua lại 2.000 cổ phiếu đang lưu hành làm cổ phiếu quỹ. Giá khớp lệnh là 20.000 đ/cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu lúc phát hành là 10.000 đ/cổ phiếu. Chi phí để mua lại là 0,8% trên giá khớp lệnh. Cổ phiếu quỹ tăng lên với trị giá là bao nhiêu?

A. 40.320.000

B. 40.000.000

C. 20.000.000

D. 20.320.000

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)

Công ty cổ phần SFD có kỳ kế toán là năm, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu năm 2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211_Z: 500.000.000đ (25.000cp công ty Z, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211_CHB (Căn hộ B): 2.100.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm
- TK 2141_CHB (Căn hộ B): 840.000.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 350.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2023 như sau:

Nghiệp vụ 1: Ngày 01/01, công ty quyết định cho công ty H thuê căn hộ B theo hình thức thuê hoạt động với giá cho thuê chưa thuế GTGT 50.000.000đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 8%, tiền thuê trả định kỳ sau 3 tháng 1 lần. **(0,5 điểm)**

Nghiệp vụ 2: Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị A đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào cuối mỗi năm là 100.000.000đ, lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 9%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 400.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 388.965.126đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 40.000.000đ, số thuế này công ty SFD đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

Nghiệp vụ 3: Ngày 15/4, công ty SFD mua 1.500 trái phiếu của công ty DF với mục đích nắm giữ tới ngày đáo hạn, đã trả bằng chuyển khoản, kỳ hạn 2 năm, mệnh giá 1.500.000 đ/trái phiếu, giá mua là 1.800.000 đ/trái phiếu, lãi trả định kỳ sau 3 tháng một lần, ngày phát hành 15/04/2023. **(0,5 điểm)**

Nghiệp vụ 4: Ngày 01/07, công ty phát hành 1.600 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.300.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.500.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 6%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần. Chi phí phát hành trái phiếu (không phân bổ dần) tính theo tỷ lệ 2% trên giá phát hành đã thanh toán bằng tiền mặt, chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa, công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(1,0 điểm)**

Nghiệp vụ 5: Ngày 01/10, công ty phát hành 200.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 100.000 đ/cổ phiếu, giá phát hành 120.000 đ/cổ phiếu, nhận về bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí phát hành 0,3% tính trên giá phát hành, đã thanh toán bằng chuyển khoản. **(1,0 điểm)**

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong năm 2023. **(4 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối năm 2023. **(1 điểm)**

Ví dụ:

Tên chỉ tiêu	***Mã số***	***Số tiền cuối năm 2023***
Phải trả khác	*113*	*200.000.000*

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Đáp án Phần tự luận (5,0 điểm)

Công ty cổ phần SFD có kỳ kế toán là năm, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu năm 2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211_Z: 500.000.000đ (25.000cp công ty Z, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211_CHB (Căn hộ B): 2.100.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm
- TK 2141_CHB (Căn hộ B): 840.000.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 350.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2023 như sau:

Nghiệp vụ 1: Ngày 01/01, công ty quyết định cho công ty H thuê căn hộ B theo hình thức thuê hoạt động với giá cho thuê chưa thuế GTGT 50.000.000đ/tháng, thuế suất thuế GTGT 8%, tiền thuê trả định kỳ sau 3 tháng 1 lần. **(0,5 điểm)**

+ Chuyển nguyên giá: (0,25 điểm)

Nợ TK 217_CHB 2.100.000.000

Có TK 211_CHB 2.100.000.000

+ Chuyển HMLK: (0,25 điểm)

Nợ TK 2141_CHB 840.000.000

Có TK 2147_CHB 840.000.000

Nghiệp vụ 2: Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị A đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào cuối mỗi năm là 100.000.000đ, lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 9%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 400.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 388.965.126đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 40.000.000đ, số thuế này công ty SFD đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

PV < Giá trị hợp lý => Nguyên giá tài sản thuê tài chính được tính theo PV.

***Ngày 01/01:**

Nhận thiết bị A: (0,5đ)

Nợ TK 212 388.965.126

Có TK 3412 388.965.126

Trả tiền thuế GTGT: (0,5đ)

Nợ TK 1332 40.000.000

Có TK 1121 40.000.000

Nghiệp vụ 3: Ngày 15/4, công ty SFD mua 1.500 trái phiếu của công ty DF với mục đích nắm giữ tới ngày đáo hạn, đã trả bằng chuyển khoản, kỳ hạn 2 năm, mệnh giá 1.500.000 đ/trái phiếu, giá mua là 1.800.000 đ/trái phiếu, lãi trả định kỳ sau 3 tháng một lần, ngày phát hành 15/04/2023. **(0,5 điểm)**

***Mua trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn: (0,5 điểm)**

Nợ TK 1282 2.700.000.000 (1.500tp x 1.800.000đ/trái phiếu)

Có TK 1121 2.700.000.000

Nghiệp vụ 4: Ngày 01/07, công ty phát hành 1.600 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.300.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.500.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 6%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần. Chi phí phát hành trái phiếu (không phân bổ dần) tính theo tỷ lệ 2% trên giá phát hành đã thanh toán bằng tiền mặt, chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa, công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(1,0 điểm)**

+ Phát hành trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng: (0,5 điểm)

Nợ TK 112 2.400.000.000 (1.600tp x 1.500.000đ/tp)

Có TK 34313 320.000.000 (2.400.000.000 - 2.080.000.000)

Có TK 34311 2.080.000.000 (1.600tp x 1.300.000đ/tp)

+ Chi phí phát hành trái phiếu: (0,5 điểm)

Nợ TK 635 48.000.000

Có TK 111 48.000.000 (2% x 1.600tp x 1.500.000đ/tp)

Nghiệp vụ 5: Ngày 01/10, công ty phát hành 200.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 100.000 đ/cổ phiếu, giá phát hành 120.000 đ/cổ phiếu, nhận về bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí phát hành 0,3% tính trên giá phát hành, đã thanh toán bằng chuyển khoản. **(1,0 điểm)**

+ Phát hành cổ phiếu: (0,5 điểm)

Nợ TK 1121 24.000.000.000 (200.000cp x 120.000đ/cp)

Có TK 41111 20.000.000.000 (200.000cp x 100.000đ/cp)

Có TK 4112 4.000.000.000 (24.000.000.000 - 20.000.000.000)

+ Chi phí phát hành: (0,5 điểm)

Nợ TK 4112 72.000.000

Có TK 1121 72.000.000 (200.000cp x 120.000đ/cp x 0,3%)

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong năm 2023. **(4 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối năm 2023. **(1 điểm)**

Ví dụ:

Tên chỉ tiêu	***Mã số***	***Số tiền cuối năm 2023***
Phải trả khác	*113*	*200.000.000*

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Đáp án yêu cầu 2:

Tên chỉ tiêu	***Mã số***	***Số tiền cuối năm 2023***
Nguyên giá	*231*	*2.100.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế	*232*	*(1.050.000.000)*

Số tiền khấu hao của căn hộ B trong năm 2023: 2.100.000.000/10 năm = 210.000.000

Giá trị hao mòn lũy kế: 840.000.000 + 210.000.000 = 1.050.000.000

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề	**Giảng viên ra đề**
ThS. Nguyễn Thị Thu Vân	**ThS. Phạm Thị Mộng Tuyền**